

Công ty Cổ phần SJ GROUP

Báo cáo tài chính hợp nhất

Quý 1 năm 2024



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	3 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7 - 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 48

SJC
C
C
J
/H

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần SJ GROUP ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103002731 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 8 tháng 8 năm 2003. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 13 số 0101399461 được cấp ngày 11 tháng 4 năm 2024.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Kinh doanh bất động sản;
- ▶ Kinh doanh các dịch vụ bất động sản;
- ▶ Kinh doanh khai thác các dịch vụ về nhà ở, Khu đô thị và khu công nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại Ô đất TT2, Khu đô thị mới Nam An Khánh, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Văn Bình	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phú Cường	Thành viên
Bà Chu Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Bùi Quang Bách	Thành viên
Ông Phương Xuân Thụy	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Thùy	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thanh Huyền	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Thắng	Thành viên

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Thành viên Ban kiểm toán nội bộ trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Minh Sơn	Trưởng ban
---------------------	------------

Công ty Cổ phần SJ GROUP
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Trọng Quỳnh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 3 năm 2024
Ông Nguyễn Trần Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đức Diện	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Chính	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Oanh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Như Trung	Phó Tổng giám đốc	
Ông Nguyễn Hải Ninh	Giám đốc Tài chính	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đến ngày lập báo cáo này là Ông Đỗ Trọng Quỳnh, Tổng Giám đốc.

Ông Nguyễn Hải Ninh, Giám đốc Tài chính, được Ông Đỗ Trọng Quỳnh ủy quyền ký Báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 125/GUQ-CT-TCKT ngày 26 tháng 7 năm 2023.

Công ty Cổ phần SJ GROUP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 3 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.841.621.806.361	4.749.599.418.611
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	47.329.316.213	68.219.290.512
111	1. Tiền		24.272.330.213	36.102.580.790
112	2. Các khoản tương đương tiền		23.056.986.000	32.116.709.722
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	16.050.848.344	24.469.112.005
121	1. Chứng khoán kinh doanh		17.817.000.000	17.817.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(11.047.290.000)	(12.689.830.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		9.281.138.344	19.341.942.005
130	III. Các khoản phải thu		503.483.535.097	453.960.374.485
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6,1	168.568.231.114	169.522.298.278
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6,2	32.526.714.873	35.619.664.569
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	6.000.000.000	6.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	405.721.902.253	352.313.614.127
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(109.333.313.143)	(109.495.202.489)
140	IV. Hàng tồn kho	10	4.251.854.473.852	4.182.465.766.640
141	1. Hàng tồn kho		4.256.545.345.528	4.187.156.638.316
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.690.871.676)	(4.690.871.676)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		22.903.632.855	20.484.874.969
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	19.834.516.707	17.429.009.856
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	2.555.667.180	2.554.248.869
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		513.448.968	501.616.244

Công ty Cổ phần SJ GROUP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Ngày 31 tháng 3 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.738.682.089.446	2.724.379.436.831
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		117.053.467.975	117.053.467.975
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6,2	49.982.867.975	49.982.867.975
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	67.070.600.000	67.070.600.000
220	II. Tài sản cố định	12	226.435.990.423	228.420.658.219
221	1. Tài sản cố định hữu hình		225.676.007.626	227.655.779.389
222	- Nguyên giá		333.101.555.568	333.101.555.568
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(107.425.547.942)	(105.445.776.179)
227	2. Tài sản cố định vô hình		759.982.797	764.878.830
228	- Nguyên giá		999.212.051	999.212.051
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(239.229.254)	(234.333.221)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	4.906.296.011	5.064.624.458
231	- Nguyên giá		15.832.845.014	15.832.845.014
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.926.549.003)	(10.768.220.556)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.304.349.659.841	2.292.208.849.932
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	15,1	2.292.261.963.611	2.280.663.814.668
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15,2	12.087.696.230	11.545.035.264
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	16	60.853.750.276	53.253.750.276
251	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	16,1	8.997.050.899	8.997.050.899
252	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16,2	58.243.068.750	58.243.068.750
253	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	16,2	(14.986.369.373)	(14.986.369.373)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	16,3	8.600.000.000	1.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		25.082.924.920	28.378.085.971
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	14.326.930.327	13.929.078.746
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		10.755.994.593	14.449.007.225
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.580.303.895.807	7.473.978.855.442

Công ty Cổ phần SJ GROUP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Ngày 31 tháng 3 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.813.692.594.986	4.712.392.279.671
310	I. Nợ ngắn hạn		2.943.150.663.205	3.057.764.277.663
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17,1	140.043.767.166	141.159.454.903
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17,2	59.370.781.702	3.338.191.261
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	94.097.289.314	116.822.774.787
314	4. Phải trả người lao động		12.667.287.879	15.362.290.948
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	1.163.145.594.105	1.164.004.198.215
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	667.250.664	599.439.627
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	481.035.906.292	623.978.296.090
320	8. Vay ngắn hạn	22	899.094.999.251	899.095.000.000
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
322	10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	23	93.027.786.832	93.404.631.832
330	II. Nợ dài hạn		1.870.541.931.781	1.654.628.002.008
332	1. Người mua trả tiền trước dài hạn	17,2	193.208.327.754	193.208.327.754
333	2. Chi phí phải trả dài hạn	19	20.882.760.863	2.958.996.480
337	3. Phải trả dài hạn khác	21	1.097.976.553.910	899.986.388.520
338	4. Vay dài hạn	22	556.426.870.000	556.426.870.000
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		2.047.419.254	2.047.419.254

Công ty Cổ phần SJ GROUP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Ngày 31 tháng 3 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 3 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.766.611.300.821	2.761.586.575.771
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	1.148.555.400.000	1.148.555.400.000
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		1.148.555.400.000	1.148.555.400.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.148.555.400.000	1.148.555.400.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24	219.122.386.787	219.017.196.787
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	24	48.750.000.000	48.750.000.000
415	4. Cổ phiếu quỹ	24	(61.161.904.650)	(61.161.904.650)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	23	750.405.911.120	749.270.472.555
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	23	7.523.041.519	7.523.041.519
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24	637.555.398.552	595.590.949.684
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		593.479.230.755	410.253.828.172
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		44.076.167.797	185.337.121.512
429	8. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	25	15.861.067.493	54.041.419.876
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.580.303.895.807	7.473.978.855.442

Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập

Trần Việt Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Ninh
Giám đốc Tài chính

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 4 năm 2024

Công ty Cổ phần SJ GROUP

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: VND

STT	Diễn giải	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26,1	118.279.934.701	54.393.279.842	118.279.934.701	54.393.279.842
2	<i>Các khoản giảm trừ</i>	26,1	-	-	-	-
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	26,1	118.279.934.701	54.393.279.842	118.279.934.701	54.393.279.842
4	Giá vốn hàng bán	27	51.007.744.910	43.934.902.324	51.007.744.910	43.934.902.324
5	Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ		67.272.189.791	10.458.377.518	67.272.189.791	10.458.377.518
6	Doanh thu hoạt động tài chính	26,2	543.495.378	4.824.902.468	543.495.378	4.824.902.468
7	Chi phí tài chính	28	(1.642.540.000)	653.040.000	(1.642.540.000)	653.040.000
	<i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i>		-	-	-	-
8	Chi phí bán hàng	29	545.901.506	173.328.825	545.901.506	173.328.825
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	8.923.911.968	13.232.352.007	8.923.911.968	13.232.352.007
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		59.988.411.695	1.224.559.154	59.988.411.695	1.224.559.154
11	Thu nhập khác	30	9.369.122	61.599.800	9.369.122	61.599.800
12	Chi phí khác	30	84.656.802	208.599.021	84.656.802	208.599.021
13	Lỗ/Lợi nhuận khác	30	(75.287.680)	(146.999.221)	(75.287.680)	(146.999.221)
14	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		-	16.000.000.000	-	16.000.000.000
15	Tổng lợi nhuận trước thuế		59.913.124.015	17.077.559.933	59.913.124.015	17.077.559.933
16	Chi phí thuế thu nhập hiện hành	31	15.568.126.517	5.531.352.026	15.568.126.517	5.531.352.026
17	Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	31	-	-	-	-

Công ty Cổ phần SJ GROUP

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo) Quý 1 năm 2024

STT	Diễn giải	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
18	Lợi nhuận sau thuế		44.344.997.498	11.546.207.907	44.344.997.498	11.546.207.907
19	Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ		44.076.167.797	12.421.352.631	44.076.167.797	12.421.352.631
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		268.829.701	(875.144.724)	268.829.701	(875.144.724)
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	387	109	387	109
22	Lãi suy giảm trên cổ phiếu					

Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập

Trần Việt Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Ninh
Giám đốc Tài chính

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 4 năm 2024

Công ty Cổ phần SJ GROUP

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		211.525.767.586	56.054.142.949
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(72.252.025.267)	(23.029.275.690)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(16.215.396.218)	(18.091.288.596)
4. Tiền lãi vay đã trả	4		(83.268.838.599)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(49.010.323.706)	(100.000.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		303.579.440.197	336.997.736.607
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(318.259.327.110)	(344.482.997.752)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(23.900.703.117)	7.348.317.518
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22		6.484.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(500.000.000)	(2.150.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.400.683.913	646.922.430
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		103.560.905	996.605.040
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.010.728.818	(506.472.530)

Công ty Cổ phần SJ GROUP

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: VND

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(36.000.001.272)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(36.000.001.272)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(20.889.974.299)	(29.158.156.284)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		68.219.290.512	76.672.773.811
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ(70=50+60+61)	70	4	47.329.316.213	47.514.617.527

Nguyễn Thị Quỳnh
Người lập

Trần Việt Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Ninh
Giám đốc Tài chính

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 4 năm 2024

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2024

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần SJ GROUP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0103002731 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp vào ngày 8 tháng 8 năm 2003. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 13 số 0101399461 được cấp ngày 11 tháng 4 năm 2024.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Kinh doanh bất động sản;
- ▶ Kinh doanh các dịch vụ bất động sản;
- ▶ Kinh doanh khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị và khu công nghiệp.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Công ty và các công ty con bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con có thể kéo dài trên 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường là trong vòng 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Ô đất TT2, Khu đô thị mới Nam An Khánh, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tính chất mùa vụ của hoạt động ảnh hưởng đến báo cáo

Do đặc tính của ngành kinh doanh bất động sản, doanh thu chuyển nhượng bất động sản phụ thuộc vào tình trạng hoàn thành của các dự án bất động sản và tình hình thị trường tại các thời điểm các dự án được chào bán. Mặt khác, doanh thu cho thuê và cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản dự kiến sẽ ổn định trong suốt cả năm trừ khi Công ty và các công ty con đưa các sản phẩm đầu tư mới vào thị trường.

Công ty Cổ phần SJ GROUP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý 1 năm 2024

Cơ cấu tổ chức

Tại Ngày 31 tháng 3 năm 2024, Công ty có 5 chi nhánh hạch toán phụ thuộc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5 chi nhánh hạch toán phụ thuộc). Chi tiết như sau:

<i>Tên</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh An Khánh - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	Khu đô thị mới Nam An Khánh, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Quảng Ninh - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	Số nhà 801, tổ 5, khu 9 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	Tầng 12, Tòa nhà Ngân hàng Phát triển Việt Nam khu vực Quảng Nam – Đà Nẵng, số 74 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Sàn giao dịch Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	Tòa nhà Sudico, Đường Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
Ban quản lý các dự án đô thị khu vực Hà Nội Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Sông Đà	Lô TT2-13, dự án khu nhà ở Văn La, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Các chi nhánh đang trong quá trình đổi tên sau khi Công ty đổi tên từ ngày 11/4/2024.

Tại Ngày 31 tháng 3 năm 2024, Công ty có 7 công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 7 công ty con) với thông tin chi tiết như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
1	Công ty TNHH Một thành viên Sudico Tiến Xuân	100%	100%	Khu đất Dịch vụ 1-2, ngõ 323, đường Trần Hưng Đạo, Xã Sủ Ngòi, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; cung cấp dịch vụ hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí của các cơ sở thể thao, các công viên vui chơi và các công viên theo chủ đề.
2	Công ty TNHH Sudico Thăng Long	99,97%	99,97%	Khu đô thị mới Nam An Khánh, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tư vấn quản lý; tư vấn đầu tư; kinh doanh bất động sản; tư vấn, quảng cáo và quản lý bất động sản và các hoạt động khác.
3	Công ty Cổ phần Dịch vụ Sudico	51%	51%	Tầng M3, tòa nhà CT1, Khu đô thị Mỹ Đình, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh các dịch vụ bất động sản; Kinh doanh khai thác các dịch vụ về nhà ở, Khu đô thị và khu công nghiệp.
4	Công ty Cổ phần Sudico Miền Trung (*)	100%	100%	Tầng 2, tòa nhà 12 Hồ Xuân Hương, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Tư vấn đầu tư, lập, thẩm định và thực hiện các dự án đầu tư xây dựng; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

101
 CÔ
 CỔ
 JG
 HP

Công ty Cổ phần SJ GROUP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý 1 năm 2024

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
5	Công ty Cổ phần Sudico Hòa Bình	96,4%	96,4%	Khu đất Dịch vụ 1-2, ngõ 323, đường Trần Hưng Đạo, Xã Sủ Ngòi, Thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; kinh doanh khu nhà ở, Khu đô thị, khu công nghiệp; kinh doanh khai thác dịch vụ nhà ở, Khu đô thị và khu công nghiệp; đầu tư tạo lập nhà, công trình để bán và cho thuê; đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình đất đã có hạ tầng; dịch vụ bất động sản.
6	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Đầu tư Phát triển Sudico	71%	71%	Tòa nhà CT1, khối 25 tầng, Khu đô thị Mỹ Đình – Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Sản xuất vật liệu xây dựng từ gạch, cát, xi măng, thạch cao; bán buôn, bán lẻ gạch bê tông khí chưng áp, vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất; bán buôn máy, thiết bị và phụ tùng máy.
7	Công ty Cổ phần Tư vấn Sudico	57,84%	57,84%	Tầng 1, đơn nguyên 1, tòa nhà CT1, Khu đô thị Mỹ Đình – Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Tư vấn thiết kế dự án, tư vấn thẩm định dự án, tư vấn lập báo cáo, tư vấn giám sát thi công, tư vấn quản lý dự án.

(*) Công ty Cổ phần Sudico Miền Trung đang trong quá trình giải thể theo Quyết định số 131/QĐ-CT-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 20 tháng 11 năm 2012.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2024 của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2024 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2024 được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2024 và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Quý 1 năm 2024 theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2024 được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và các công ty con là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2024 bao gồm Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2024 của Công ty và các công ty con Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc Ngày 31 tháng 3 năm 2024.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2024 của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán Quý 1 năm 2024 giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và các công ty con và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2024 và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý 1 năm 2024.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2024 theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 1 năm 2024. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2024. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2024.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty và các công ty con, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó, cụ thể như sau:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2024 theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá v.v.) có thể xảy ra đối với bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 1 năm 2024.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2024. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2024.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2024 khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2024.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2024 khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2024.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất có thời hạn	45 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Tài sản khác	3 - 5 năm

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty và các công ty con không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty và các công ty con có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
------------------------	--------

Đối với các bất động sản đầu tư cho thuê dài hạn có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ mà doanh thu được ghi nhận một lần cho toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước như được trình bày tại Thuyết minh số 3.17, khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư này được ghi nhận toàn bộ một lần cùng thời điểm ghi nhận doanh thu.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý 1 năm 2024 sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2024 trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý 1 năm 2024 và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã được thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2024. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty và các công ty con. Thông thường, Công ty và các công ty con được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết ở đơn vị nhận đầu tư.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý 1 năm 2024 theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2024 và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2024 của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và các công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty và các công ty con trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2024 và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 1 năm 2024.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2024.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các khoản dự phòng

Dự phòng chung

Công ty và công ty con ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty và các công ty con có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty và các công ty con cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2024 sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên tại Công ty và các công ty con. Mức trích lập được tính bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc theo Luật lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2024.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 1 năm 2024, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý 1 năm 2024 theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2024.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty và các công ty con mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty và các công ty con không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý 1 năm 2024.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi bên bán đã chuyển giao cho bên mua phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản, thông thường là trùng với việc chuyển giao bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

Nếu một giao dịch không đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu nói trên, các khoản thanh toán theo tiến độ nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào khoản mục người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất Quý 1 năm 2024 đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

Doanh thu cho thuê ghi nhận hàng kỳ

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2024 theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Doanh thu cho thuê ghi nhận một lần

Đối với trường hợp cho thuê tài sản có nhận trước tiền cho thuê của nhiều kỳ và thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Công ty ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; và
- Công ty ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

3.18 Giá vốn bất động sản được chuyển nhượng

Giá vốn đất và tài sản trên đất/căn hộ đã bán bao gồm toàn bộ các chi phí phát sinh trực tiếp cho các hoạt động phát triển đất và nhà và các chi phí khác có liên quan được phân bổ trên cơ sở hợp lý cho các hoạt động này bao gồm:

- ▶ Các chi phí về đất và phát triển đất;
- ▶ Các chi phí xây dựng và liên quan đến xây dựng; và
- ▶ Các chi phí khác có liên quan phát sinh trong quá trình hình thành bất động sản như các chi phí phát sinh từ hoạt động phát triển đất và công trình trên đất hiện tại và trong tương lai của dự án (như chi phí phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật chung và chi phí phát triển quỹ đất bắt buộc dành cho các mục đích công cộng v.v..).

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 1 năm 2024.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2024 ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 1 năm 2024 giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2024.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 1 năm 2024 và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 1 năm 2024 và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 1 năm 2024.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 1 năm 2024 ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động kinh doanh bất động sản và cung cấp các dịch vụ liên quan trong lãnh thổ Việt Nam là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty và các công ty con, trong khi các khoản kinh doanh khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty và các công ty con. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng Công ty và các công ty con hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là kinh doanh bất động sản và cung cấp các dịch vụ liên quan và một bộ phận chia theo vùng địa lý trọng yếu là Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Công ty Cổ phần SJ GROUP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2024

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	31/3/2024	31/12/2023
Tiền mặt	2.718.271.427	965.150.998
Tiền gửi ngân hàng	21.554.058.786	35.137.429.792
Các khoản tương đương tiền (*)	23.056.986.000	32.116.709.722
TỔNG CỘNG	47.329.316.213	68.219.290.512

(*) Số dư tại Ngày 31 tháng 3 năm 2024 bao gồm các khoản tiền gửi bằng VND tại các Ngân hàng Thương mại có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng.

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2024 (tiếp theo)
vào Ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	31/3/2024			31/12/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	17.817.000.000	6.769.710.000	(11.047.290.000)	17.817.000.000	5.127.170.000	(12.689.830.000)
Công ty Cổ phần đầu tư Nhà Đất Việt	15.829.000.000	6.173.310.000	(9.655.690.000)	15.829.000.000	4.590.410.000	(11.238.590.000)
Công ty Cổ phần đầu tư PV2	1.988.000.000	596.400.000	(1.391.600.000)	1.988.000.000	536.760.000	(1.451.240.000)
TỔNG CỘNG	17.817.000.000	6.769.710.000	(11.047.290.000)	17.817.000.000	5.127.170.000	(12.689.830.000)

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn còn lại từ 6 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 3,7%/năm đến 5,6%/năm.

Tại Ngày 31 tháng 3 năm 2024, khoản tiền gửi với số tiền là 5.900.268.196 VND của Công ty Cổ phần Sudico Hòa Bình đang được dùng làm tài sản đảm bảo tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cho mục đích thực hiện các dự án của công ty con này.

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2024

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/3/2024	31/12/2023
Phải thu từ các bên khác	168.437.191.114	167.279.715.178
<i>Công ty Cổ phần SDP</i>	32.683.500.972	32.683.500.972
<i>Công ty CP Tập đoàn Đất Quảng</i>	20.689.317.360	20.689.317.360
<i>Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Dự án Việt Nam</i>	20.498.750.000	20.498.750.000
<i>Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Minh</i>	18.951.528.945	18.951.528.945
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh và Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Phúc Hà</i>	15.419.772.082	15.419.772.082
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	60.194.321.755	59.036.845.819
Phải thu từ các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	131.040.000	2.242.583.100
TỔNG CỘNG	168.568.231.114	169.522.298.278
Trong đó:		
<i>Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh</i>	108.811.458.933	131.331.312.422
<i>Dự án Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì</i>	19.919.273.945	19.919.273.945
<i>Các dự án và phải thu thương mại khác</i>	39.837.498.236	18.271.711.911

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/3/2024	31/12/2023
Ngắn hạn		
Trả trước cho người bán	32.526.714.873	35.619.664.569
<i>Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Ánh Dương</i>	1.678.564.732	1.510.404.658
<i>Công ty TNHH XD & TM Nam Á</i>	1.836.777.367	1.836.777.367
<i>Công ty CP Sông Đà 8</i>	2.197.024.437	2.197.024.437
<i>Các khoản trả trước khác</i>	26.814.348.337	30.075.458.107
TỔNG CỘNG	32.526.714.873	35.619.664.569
Dài hạn		
Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện Hoài Đức	49.982.867.975	49.982.867.975
TỔNG CỘNG	49.982.867.975	49.982.867.975

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2024

8. PHẢI THU KHÁC

	31/3/2024	31/12/2023
Ngắn hạn		
Đặt cọc theo hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp (*)	192.000.000.000	192.000.000.000
Phải thu khác	213.721.902.253	160.313.614.127
TỔNG CỘNG	405.721.902.253	352.313.614.127
Dài hạn		
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Xi măng Hạ Long	67.070.600.000	67.070.600.000
TỔNG CỘNG	67.070.600.000	67.070.600.000

(*) Đây là khoản đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng phần vốn góp số 01/HĐĐC/SUDICO-LQA ngày 16 tháng 5 năm 2023 để mua vốn góp của một đối tác doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bất động sản.

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2024

9. NỢ QUÁ HẠN

	31/3/2024		31/12/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty CP SDP	32.683.500.972	22.866.585.000	32.683.500.972	22.866.585.000
Công ty TNHH XD và phát triển dự án Việt Nam	20.498.750.000	5.699.500.000	20.498.750.000	5.699.500.000
Công ty TNHH SX kinh doanh XNK Bình Minh	18.951.528.945	13.290.519.751	18.951.528.945	13.290.519.751
Công ty CP đầu tư KD và phát triển hạ tầng KCN Phúc Hà	15.419.772.082	-	15.419.772.082	-
Các đối tượng khác	86.940.059.872	23.141.804.631	86.940.059.872	23.141.804.631
TỔNG CỘNG	174.493.611.871	64.998.409.382	174.493.611.871	64.998.409.382

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2024

10. HÀNG TỒN KHO

	31/3/2024		31/12/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.256.464.549.042	(4.690.871.676)	4.187.116.461.038	(4.690.871.676)
<i>Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh</i>	4.185.119.233.747	-	4.118.614.693.402	-
<i>Dự án mở rộng phía Đông Nam - Khu dân cư Bắc đường Trần Hưng Đạo</i>	56.294.477.411		56.106.266.354	-
Các dự án khác	15.050.837.884	(4.690.871.676)	12.395.501.282	(4.690.871.676)
Công cụ dụng cụ	80.796.486		40.177.278	-
TỔNG CỘNG	4.256.545.345.528	(4.690.871.676)	4.187.156.638.316	(4.690.871.676)

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2024

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/3/2024	31/12/2023
Ngắn hạn		
Chi phí hạ tầng lô đất TH1 và TH2 dự án Mỹ Đình - Mễ Trì (*)	16.469.107.524	16.469.107.524
Chi phí khác	3.365.409.183	959.902.332
TỔNG CỘNG	19.834.516.707	17.429.009.856
Dài hạn		
Hỗ trợ tài chính theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dịch vụ giáo dục (**)	9.957.480.441	10.060.134.879
Chi phí khác	4.369.449.886	3.868.943.867
TỔNG CỘNG	14.326.930.327	13.929.078.746

(*) Đây là chi phí phát triển hạ tầng của lô đất TH1 và TH2 thuộc dự án Mỹ Đình - Mễ Trì dự kiến sẽ được các bên nhận bàn giao các lô đất này bởi hoàn cho Công ty. Theo Quyết định số 20/2004/QĐ-UBND ngày 19 tháng 2 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì và Quyết định số 5577/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh một số chỉ tiêu về sử dụng đất để xây dựng Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì, Công ty có trách nhiệm đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch và bàn giao lại 2 lô đất TH1 và TH2 để xây dựng trường tiểu học và trung học. Công ty đã thực hiện tạm thời bàn giao lô đất TH1 cho Trường Trung học Phổ thông Dân lập Marie Curie vào ngày 28 tháng 6 năm 2012 và lô đất TH2 cho Ủy ban Nhân dân Quận Nam Từ Liêm để xây dựng Trường Tiểu học và Trung học Cơ sở Mỹ Đình 1 theo Quyết định số 2066/QĐ-UBND ngày 8 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội.

(**) Đây là khoản cam kết hỗ trợ tài chính mà Công ty đã trả cho một đối tác là đơn vị cung cấp dịch vụ giáo dục để vận hành hoạt động trường phổ thông liên cấp nằm trong Khu đô thị mới Nam An Khánh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dịch vụ giáo dục được ký kết ngày 29 tháng 5 năm 2017.

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2024

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc (*)	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	303.122.638.105	1.649.646.014	23.890.507.803	3.493.067.898	945.695.748	333.101.555.568
- Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 3 năm 2024	303.122.638.105	1.649.646.014	23.890.507.803	3.493.067.898	945.695.748	333.101.555.568
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	9.338.284.722	1.134.746.578	19.353.526.329	2.615.548.364	945.695.748	33.387.801.741
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	76.011.926.646	1.567.874.114	23.626.845.077	3.293.434.594	945.695.748	105.445.776.179
- Khấu hao trong kỳ	1.938.308.697	19.305.651	7.537.797	14.619.618	-	1.979.771.763
Ngày 31 tháng 3 năm 2024	77.950.235.343	1.587.179.765	23.634.382.874	3.308.054.212	945.695.748	107.425.547.942
Giá trị còn lại						
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	227.110.711.459	81.771.900	263.662.726	199.633.304	-	227.655.779.389
Ngày 31 tháng 3 năm 2024	225.172.402.762	62.466.249	256.124.929	185.013.686	-	225.676.007.626

(*) Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm các tầng từ 15 đến 18 của tòa nhà hỗn hợp HH3, Khu đô thị Mỹ Đình – Mễ Trì với tổng nguyên giá là 68,5 tỷ VND. Giá trị của tòa nhà hỗn hợp này đang được tạm hạch toán dựa trên dự toán tổng mức đầu tư của tòa nhà. Tại Ngày 31 tháng 3 năm 2024, Công ty đang hoàn thiện hồ sơ chứng từ để hoàn tất việc ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2024

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc
Nguyên giá	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	15.832.845.014
- Giảm trong kỳ	-
Ngày 31 tháng 3 năm 2024	15.832.845.014
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	(10.768.220.556)
- Khấu hao trong kỳ	(158.328.447)
- Giảm trong kỳ	-
Ngày 31 tháng 3 năm 2024	(10.926.549.003)
Giá trị còn lại	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	5.064.624.458
Ngày 31 tháng 3 năm 2024	4.906.296.011

Bất động sản đầu tư của Công ty bao gồm tầng 1 các tòa nhà CT1, CT4, CT5, CT6, CT9 thuộc Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì đang được Công ty sử dụng cho mục đích cho thuê hoạt động.

Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư tại Ngày 31 tháng 3 năm 2024 do chưa thu thập đủ thông tin về thị trường để phục vụ cho mục đích xác định giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2024

14. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

14.1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Giá gốc (đồng thời là giá trị có thể thu hồi)	
	31/3/2024	31/12/2023
Dự án Khu đô thị mới Hòa Hải – Đà Nẵng	1.238.276.269.578	1.238.027.191.934
Dự án Văn La - Văn Khê - Hà Đông	545.401.578.288	543.315.277.652
Dự án Khu đô thị Mỹ Đình – Mễ Trì	172.917.044.334	172.917.044.334
Dự án Tiến Xuân	156.740.802.002	156.716.265.602
Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh mở rộng	109.352.659.357	109.310.494.838
Dự án Khu đô thị Thịnh Lang - Hòa Bình	69.573.610.052	60.377.540.308
TỔNG CỘNG	2.292.261.963.611	2.280.663.814.668

Toàn bộ các dự án nêu trên đang trong quá trình đền bù, giải phóng mặt bằng và hoàn thiện các thủ tục pháp lý với các cơ quan quản lý Nhà nước. Do đó, Công ty và các công ty con đánh giá chưa thể hoàn thành các dự án này trong ngắn hạn và đã trình bày các dự án này là tài sản dở dang dài hạn.

14.2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/3/2024	31/12/2023
Dự án Khu sinh thái Sông Đà - Ngọc Vũng	12.087.696.230	11.545.035.264
TỔNG CỘNG	12.087.696.230	11.545.035.264

15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Công ty và các công ty con đã vốn hóa các chi phí đi vay với tổng số tiền là 84,5 tỷ VND liên quan đến các khoản vốn vay để đầu tư phát triển Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh.

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2024

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/3/2024			31/12/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào Công ty liên kết	8.997.050.899	-	8.997.050.899	8.997.050.899	-	8.997.050.899
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	58.243.068.750	(14.986.369.373)	43.256.699.377	58.243.068.750	(14.986.369.373)	43.256.699.377
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.600.000.000	-	8.600.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000
TỔNG CỘNG	75.840.119.649	(14.986.369.373)	60.853.750.276	68.240.119.649	(14.986.369.373)	53.253.750.276

16.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên đơn vị	Ngày 31 tháng 3 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xây dựng Sudico (*)	26%	33,3%	26%	33,3%

(*) Công ty Cổ phần Xây dựng Sudico có trụ sở chính đặt tại tầng 2, tòa nhà CT1, khối 25 tầng, Khu đô thị Mỹ Đình – Mỹ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động chủ yếu của Công ty trong kỳ là cung cấp các dịch vụ xây dựng theo đăng ký trên giấy phép kinh doanh.

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2024 (tiếp theo)
vào Ngày 31 tháng 3 năm 2024 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết này trong kỳ hiện tại như sau:

	Công ty Cổ phần Xây dựng Sudico	Tổng cộng
Giá trị đầu tư:		
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	10.000.000.000	10.000.000.000
- Giảm do thanh lý	-	-
Ngày 31 tháng 3 năm 2024	10.000.000.000	10.000.000.000
Phần lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:		
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	(1.002.949.101)	(1.002.949.101)
- Phần lỗ trong kỳ	-	-
- Giảm do thanh lý	-	-
Ngày 31 tháng 3 năm 2024	- (1.002.949.101)	(1.002.949.101)
Giá trị còn lại:		
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	8.997.050.899	8.997.050.899
Ngày 31 tháng 3 năm 2024	- 8.997.050.899	8.997.050.899

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2024

16.2 Đầu tư dài hạn khác

	31/3/2024			31/12/2023		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Văn Phong	23.493.000.000	(8.650.131.890)	14.842.868.110	23.493.000.000	(8.650.131.890)	14.842.868.110
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinare	10.000.000.000	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu	11.550.068.750	-	11.550.068.750	11.550.068.750	-	11.550.068.750
Công ty Cổ phần ĐTPT nhà và đô thị HUDSE	7.200.000.000	(336.237.483)	6.863.762.517	7.200.000.000	(336.237.483)	6.863.762.517
Công ty CP gạch nhẹ Phúc Sơn	6.000.000.000	(6.000.000.000)	-	6.000.000.000	(6.000.000.000)	-
TỔNG CỘNG	58.243.068.750	(14.986.369.373)	43.256.699.377	58.243.068.750	(14.986.369.373)	43.256.699.377

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường.

16.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

Đây là khoản tiền gửi bằng VND tại Ngân hàng Thương mại có kỳ hạn 24 tháng với lãi suất 7,0%/năm .

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2024

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

17.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	
	31/3/2024	31/12/2023
Công ty TNHH XD và phát triển hạ tầng Ánh Dương	26.499.748.363	27.820.346.089
Công ty Cổ phần SDP	10.671.917.606	10.671.917.606
Công ty CP XD và thương mại Vạn Thành Hà Nội	8.246.174.712	11.396.174.712
Phải trả đối tượng khác	94.625.926.485	91.271.016.496
TỔNG CỘNG	140.043.767.166	141.159.454.903

17.2 Người mua trả tiền trước

	31/3/2024		31/12/2023	
Ngắn hạn				
Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh	56.599.250.546		489.398.276	
Người mua trả tiền trước khác	2.771.531.156		2.848.792.985	
TỔNG CỘNG	59.370.781.702		3.338.191.261	
Dài hạn				
Dự án Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì	193.208.327.754		193.208.327.754	
TỔNG CỘNG	193.208.327.754		193.208.327.754	

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/3/2024		31/12/2023	
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	2.555.667.180		2.554.248.869	
TỔNG CỘNG	2.555.667.180		2.554.248.869	
Phải trả				
Thuế GTGT	14.744.198.706		5.673.158.028	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	78.278.137.418		109.978.736.586	
Thuế thu nhập cá nhân	955.899.790		1.051.826.773	
Phí, lệ phí và thuế phải nộp khác	119.053.400		119.053.400	
TỔNG CỘNG	94.097.289.314		116.822.774.787	

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2024

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/3/2024	31/12/2023
Ngắn hạn		
Chi phí phát triển cơ sở hạ tầng và chi phí xây dựng trích trước	600.991.588.819	602.580.918.417
Các khoản khác	562.154.005.286	561.423.279.798
TỔNG CỘNG	1.163.145.594.105	1.164.004.198.215
Dài hạn		
Chi phí thuê đất	2.958.996.480	2.958.996.480
Chi phí lãi vay phải trả dài hạn	17.923.764.383	-
TỔNG CỘNG	20.882.760.863	2.958.996.480

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/3/2024	31/12/2023
Doanh thu cho thuê kiot thuộc Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì	-	-
Doanh thu chưa thực hiện khác	667.250.664	599.439.627
TỔNG CỘNG	667.250.664	599.439.627

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2024

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/3/2024	31/12/2023
Ngắn hạn		
Phải trả hợp tác kinh doanh	151.996.910.000	299.997.910.000
Tiền góp vốn Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh của khách hàng	38.138.050.233	43.704.177.857
Khen thưởng phải trả công nhân viên từ nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi	11.522.700.000	11.522.700.000
Quỹ trích trước CP sửa chữa tòa nhà SUDICO	23.035.611.438	22.575.945.615
Phải trả ngân sách thành phố Hà Nội (*)	13.084.244.056	13.084.244.056
Cổ tức phải trả	212.939.760.000	212.939.760.000
Phải trả ngắn hạn khác (**)	30.318.630.565	20.153.558.562
TỔNG CỘNG	481.035.906.292	623.978.296.090
Dài hạn		
Tiền góp vốn Dự án Khu đô thị Văn La – Văn Khê của khách hàng	153.041.892.200	154.941.892.200
Nhận trước tiền bồi hoàn từ Học viện Chính sách và Phát triển	27.945.880.873	27.945.880.873
Nhận trước tiền bồi hoàn từ Trường THPT Dân lập Marie Curie	10.938.966.538	10.938.966.538
Phải trả hợp tác kinh doanh	900.000.000.000	700.000.000.000
Các khoản đặt cọc thuê ki-ốt và đặt cọc mua nhà	6.049.814.299	6.159.648.909
TỔNG CỘNG	1.097.976.553.910	899.986.388.520

(*) Theo Công văn số 230/UBND-KT của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội, Công ty được giao thực hiện xây dựng và bán các căn hộ thuộc đơn nguyên 3 của tòa nhà CT9, Khu đô thị Mỹ Đình - Mễ Trì và phần lợi nhuận thu được phải nộp lại ngân sách Nhà nước. Công ty đã tạm tính phần lợi nhuận phải nộp lại là 13.084.244.056 VND.

(**) Tại Ngày 31 tháng 3 năm 2024, cổ tức bằng tiền phải trả bao gồm:

- ▶ Cổ tức với số tiền là 99,04 tỷ VND theo Nghị quyết số 01/NQ-CT-ĐHĐCĐ2017 của Đại hội đồng cổ đông ngày 31 tháng 5 năm 2017. Theo Nghị quyết số 48/NQ-CT-HĐQT ngày 23 tháng 6 năm 2023, Hội đồng Quản trị đã gia hạn thời gian trả khoản cổ tức này đến ngày 31 tháng 12 năm 2024;
- ▶ Cổ tức với số tiền là 113,9 tỷ VND theo Nghị quyết số 01/NQ-CT-ĐHĐCĐ2018 của Đại hội đồng cổ đông ngày 25 tháng 4 năm 2018. Theo Nghị quyết số 48/NQ-CT-HĐQT ngày 23 tháng 6 năm 2023, Hội đồng Quản trị đã gia hạn thời gian trả khoản cổ tức này đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý 1 năm 2024

22. VAY

	31/3/2024		Phát sinh trong kỳ		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	-	-	-	-	-	-
Vay cá nhân	-	-	-	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	899.094.999.251	899.094.999.251	-	749	899.095.000.000	899.095.000.000
TỔNG CỘNG	899.094.999.251	899.094.999.251	-	-	-	-
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng	556.426.870.000	556.426.870.000	-	-	556.426.870.000	556.426.870.000
TỔNG CỘNG	556.426.870.000	556.426.870.000	-	-	556.426.870.000	556.426.870.000

Công ty Cổ phần SJ GROUP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý 1 năm 2024

23. CÁC QUỸ CÔNG TY

	31/3/2024	31/12/2023
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	93.027.786.832	93.404.631.832
Quỹ đầu tư phát triển	750.405.911.120	749.270.472.555
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	7.523.041.519	7.523.041.519
TỔNG CỘNG	850.956.739.471	850.198.145.906

Công ty Cổ phần SJ GROUP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý 1 năm 2024

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Ngày 01 tháng 01 năm 2023	1.148.555.400.000	219.017.196.787	(61.161.904.650)	48.750.000.000	749.270.472.555	7.523.041.519	406.871.991.921	56.616.345.254	2.575.442.543.386
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	185.337.121.512	(1.571.539.959)	183.765.581.553
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(279.339.926)	(268.385.419)	(547.725.345)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Cổ tức chia cho các cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(735.000.000)	(735.000.000)
- Tăng, giảm khác	-	105.190.000	-	-	1.135.438.565	-	1.549.457.248	(38.449.182.084)	(35.659.096.271)
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.148.555.400.000	219.122.386.787	(61.161.904.650)	48.750.000.000	750.405.911.120	7.523.041.519	593.479.230.755	15.592.237.792	2.722.266.303.323
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	44.076.167.797	268.829.701	44.344.997.498
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Cổ tức chia cho các cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 3 năm 2024	1.148.555.400.000	219.122.386.787	(61.161.904.650)	48.750.000.000	750.405.911.120	7.523.041.519	637.555.398.552	15.861.067.493	2.766.611.300.821

Công ty Cổ phần SJ GROUP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý 1 năm 2024

- (*) Theo Nghị quyết số 01/NQ-CT-ĐHĐCĐ2022 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc thay đổi hình thức chi trả cổ tức của các năm 2018, 2019, 2020 từ hình thức chi trả cổ tức bằng tiền sang hình thức chi trả bằng cổ phiếu với tổng số tiền là 261.964.204.000 VND. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đã hoàn nhập khoản cổ tức đã công bố từ lợi nhuận của các năm 2018, 2019, 2020 về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để hoàn thiện thủ tục trả cổ tức bằng cổ phiếu như phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông nêu trên. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2024 này, Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục cần thiết để thực hiện việc chia cổ tức các năm 2018, 2019 và 2020 bằng cổ phiếu.

24.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 31 tháng 3 năm 2024			Ngày 31 tháng 12 năm 2023		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Đầu tư An Phát	413.678.620.000	413.678.620.000	-	417.458.620.000	417.458.620.000	-
Các cổ đông khác	734.876.780.000	734.876.780.000	-	731.096.780.000	731.096.780.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	219.017.196.787	219.017.196.787	-	219.017.196.787	219.017.196.787	-
Cổ phiếu quỹ	(61.161.904.650)	(61.161.904.650)	-	(61.161.904.650)	(61.161.904.650)	-
TỔNG CỘNG	1.306.410.692.137	1.306.410.692.137	-	1.306.410.692.137	1.306.410.692.137	-

24.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Ngày 31 tháng 3 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Vốn đã góp		
Số đầu kỳ	1.148.555.400.000	1.148.555.400.000
Số cuối kỳ	1.148.555.400.000	1.148.555.400.000

Công ty Cổ phần SJ GROUP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý 1 năm 2024

24.4 Cổ phiếu

	<i>Số lượng</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Cổ phiếu đã phát hành	114.855.540	114.855.540
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	114.855.540	114.855.540
Cổ phiếu quỹ	958.060	958.060
Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu phổ thông)	958.060	958.060
Cổ phiếu đang lưu hành	113.897.480	113.897.480
Cổ phiếu phổ thông	113.897.480	113.897.480

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã chứng khoán SJS.

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10.000 VND).

25. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Đơn vị tính: VND
Thặng dư vốn cổ phần	12.060.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.165.222.909)
Quỹ đầu tư phát triển	1.191.558.101
Cổ tức đã chia lũy kế	(4.533.357.226)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.245.729.527
	15.861.067.493
<i>Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2024</i>	
Phần lỗ thuộc về cổ đông không kiểm soát	268.829.701
	268.829.701

Công ty Cổ phần SJ GROUP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý 1 năm 2024

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 1 năm 2024	Quý 1 năm 2023
Tổng doanh thu	118.279.934.701	54.393.279.842
Trong đó:		
Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản	100.695.560.026	42.734.334.731
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.584.374.675	11.658.945.111
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	118.279.934.701	54.393.279.842

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay	543.495.378	4.824.902.468
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
TỔNG CỘNG	543.495.378	4.824.902.468

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	36.453.847.893	36.101.715.276
Giá vốn của hoạt động cung cấp dịch vụ	14.553.897.017	7.833.187.048
TỔNG CỘNG	51.007.744.910	43.934.902.324

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Lãi tiền vay	-	-
Hoàn nhập/Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(1.642.540.000)	653.040.000
TỔNG CỘNG	(1.642.540.000)	653.040.000

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí bán hàng	545.901.506	173.328.825
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.923.911.968	13.232.352.007
TỔNG CỘNG	9.469.813.474	13.405.680.832

Công ty Cổ phần SJ GROUP
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Quý 1 năm 2024

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại Ngày 31 tháng 3 năm 2024 như sau:

Bên liên quan *Mối quan hệ*

Công ty Cổ phần Xây dựng Sudico Công ty liên kết

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm Ngày 31 tháng 3 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc Ngày 31 tháng 3 năm 2024, Công ty và các công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và các công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 1 năm 2024, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>31/3/2024</i>	<i>31/12/2023</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty CP Xây dựng Sudico	Công ty liên kết	Cho thuê kiot	131.040.000	131.040.000
			<u>131.040.000</u>	<u>131.040.000</u>
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>				
			-	-
			<u>-</u>	<u>-</u>
<i>Phải trả dài hạn khác</i>				
Các cá nhân liên quan	Bên liên quan khác	Góp vốn dự án VL - VK, NAK	-	-
			<u>-</u>	<u>-</u>

11
 14
 17
 20
 23
 26
 29
 32
 35
 38
 41
 44
 47
 50
 53
 56
 59
 62
 65
 68
 71
 74
 77
 80
 83
 86
 89
 92
 95
 98
 101
 104
 107
 110
 113
 116
 119
 122
 125
 128
 131
 134
 137
 140
 143
 146
 149
 152
 155
 158
 161
 164
 167
 170
 173
 176
 179
 182
 185
 188
 191
 194
 197
 200
 203
 206
 209
 212
 215
 218
 221
 224
 227
 230
 233
 236
 239
 242
 245
 248
 251
 254
 257
 260
 263
 266
 269
 272
 275
 278
 281
 284
 287
 290
 293
 296
 299
 302
 305
 308
 311
 314
 317
 320
 323
 326
 329
 332
 335
 338
 341
 344
 347
 350
 353
 356
 359
 362
 365
 368
 371
 374
 377
 380
 383
 386
 389
 392
 395
 398
 401
 404
 407
 410
 413
 416
 419
 422
 425
 428
 431
 434
 437
 440
 443
 446
 449
 452
 455
 458
 461
 464
 467
 470
 473
 476
 479
 482
 485
 488
 491
 494
 497
 500
 503
 506
 509
 512
 515
 518
 521
 524
 527
 530
 533
 536
 539
 542
 545
 548
 551
 554
 557
 560
 563
 566
 569
 572
 575
 578
 581
 584
 587
 590
 593
 596
 599
 602
 605
 608
 611
 614
 617
 620
 623
 626
 629
 632
 635
 638
 641
 644
 647
 650
 653
 656
 659
 662
 665
 668
 671
 674
 677
 680
 683
 686
 689
 692
 695
 698
 701
 704
 707
 710
 713
 716
 719
 722
 725
 728
 731
 734
 737
 740
 743
 746
 749
 752
 755
 758
 761
 764
 767
 770
 773
 776
 779
 782
 785
 788
 791
 794
 797
 800
 803
 806
 809
 812
 815
 818
 821
 824
 827
 830
 833
 836
 839
 842
 845
 848
 851
 854
 857
 860
 863
 866
 869
 872
 875
 878
 881
 884
 887
 890
 893
 896
 899
 902
 905
 908
 911
 914
 917
 920
 923
 926
 929
 932
 935
 938
 941
 944
 947
 950
 953
 956
 959
 962
 965
 968
 971
 974
 977
 980
 983
 986
 989
 992
 995
 998
 1001
 1004
 1007
 1010
 1013
 1016
 1019
 1022
 1025
 1028
 1031
 1034
 1037
 1040
 1043
 1046
 1049
 1052
 1055
 1058
 1061
 1064
 1067
 1070
 1073
 1076
 1079
 1082
 1085
 1088
 1091
 1094
 1097
 1100
 1103
 1106
 1109
 1112
 1115
 1118
 1121
 1124
 1127
 1130
 1133
 1136
 1139
 1142
 1145
 1148
 1151
 1154
 1157
 1160
 1163
 1166
 1169
 1172
 1175
 1178
 1181
 1184
 1187
 1190
 1193
 1196
 1199
 1202
 1205
 1208
 1211
 1214
 1217
 1220
 1223
 1226
 1229
 1232
 1235
 1238
 1241
 1244
 1247
 1250
 1253
 1256
 1259
 1262
 1265
 1268
 1271
 1274
 1277
 1280
 1283
 1286
 1289
 1292
 1295
 1298
 1301
 1304
 1307
 1310
 1313
 1316
 1319
 1322
 1325
 1328
 1331
 1334
 1337
 1340
 1343
 1346
 1349
 1352
 1355
 1358
 1361
 1364
 1367
 1370
 1373
 1376
 1379
 1382
 1385
 1388
 1391
 1394
 1397
 1400
 1403
 1406
 1409
 1412
 1415
 1418
 1421
 1424
 1427
 1430
 1433
 1436
 1439
 1442
 1445
 1448
 1451
 1454
 1457
 1460
 1463
 1466
 1469
 1472
 1475
 1478
 1481
 1484
 1487
 1490
 1493
 1496
 1499
 1502
 1505
 1508
 1511
 1514
 1517
 1520
 1523
 1526
 1529
 1532
 1535
 1538
 1541
 1544
 1547
 1550
 1553
 1556
 1559
 1562
 1565
 1568
 1571
 1574
 1577
 1580
 1583
 1586
 1589
 1592
 1595
 1598
 1601
 1604
 1607
 1610
 1613
 1616
 1619
 1622
 1625
 1628
 1631
 1634
 1637
 1640
 1643
 1646
 1649
 1652
 1655
 1658
 1661
 1664
 1667
 1670
 1673
 1676
 1679
 1682
 1685
 1688
 1691
 1694
 1697
 1700
 1703
 1706
 1709
 1712
 1715
 1718
 1721
 1724
 1727
 1730
 1733
 1736
 1739
 1742
 1745
 1748
 1751
 1754
 1757
 1760
 1763
 1766
 1769
 1772
 1775
 1778
 1781
 1784
 1787
 1790
 1793
 1796
 1799
 1802
 1805
 1808
 1811
 1814
 1817
 1820
 1823
 1826
 1829
 1832
 1835
 1838
 1841
 1844
 1847
 1850
 1853
 1856
 1859
 1862
 1865
 1868
 1871
 1874
 1877
 1880
 1883
 1886
 1889
 1892
 1895
 1898
 1901
 1904
 1907
 1910
 1913
 1916
 1919
 1922
 1925
 1928
 1931
 1934
 1937
 1940
 1943
 1946
 1949
 1952
 1955
 1958
 1961
 1964
 1967
 1970
 1973
 1976
 1979
 1982
 1985
 1988
 1991
 1994
 1997
 2000
 2003
 2006
 2009
 2012
 2015
 2018
 2021
 2024
 2027
 2030
 2033
 2036
 2039
 2042
 2045
 2048
 2051
 2054
 2057
 2060
 2063
 2066
 2069
 2072
 2075
 2078
 2081
 2084
 2087
 2090
 2093
 2096
 2099
 2102
 2105
 2108
 2111
 2114
 2117
 2120
 2123
 2126
 2129
 2132
 2135
 2138
 2141
 2144
 2147
 2150
 2153
 2156
 2159
 2162
 2165
 2168
 2171
 2174
 2177
 2180
 2183
 2186
 2189
 2192
 2195
 2198
 2201
 2204
 2207
 2210
 2213
 2216
 2219
 2222
 2225
 2228
 2231
 2234
 2237
 2240
 2243
 2246
 2249
 2252
 2255
 2258
 2261
 2264
 2267
 2270
 2273
 2276
 2279
 2282
 2285
 2288
 2291
 2294
 2297
 2300
 2303
 2306
 2309
 2312
 2315
 2318
 2321
 2324
 2327
 2330
 2333
 2336
 2339
 2342
 2345
 2348
 2351
 2354
 2357
 2360
 2363
 2366
 2369
 2372
 2375
 2378
 2381
 2384
 2387
 2390
 2393
 2396
 2399
 2402
 2405
 2408
 2411
 2414
 2417
 2420
 2423
 2426
 2429
 2432
 2435
 2438
 2441
 2444
 2447
 2450
 2453
 2456
 2459
 2462
 2465
 2468
 2471
 2474
 2477
 2480
 2483
 2486
 2489
 2492
 2495
 2498
 2501
 2504
 2507
 2510
 2513
 2516
 2519
 2522
 2525
 2528
 2531
 2534
 2537
 2540
 2543
 2546
 2549
 2552
 2555
 2558
 2561
 2564
 2567
 2570
 2573
 2576
 2579
 2582
 2585
 2588
 2591
 2594
 2597
 2600
 2603
 2606
 2609
 2612
 2615
 2618
 2621
 2624
 2627
 2630
 2633
 2636
 2639
 2642
 2645
 2648
 2651
 2654
 2657
 2660
 2663
 2666
 2669
 2672
 2675
 2678
 2681
 2684
 2687
 2690
 2693
 2696
 2699
 2702
 2705
 2708
 2711
 2714
 2717
 2720
 2723
 2726
 2729
 2732
 2735
 2738
 2741
 2744
 2747
 2750
 2753
 2756
 2759
 2762
 2765
 2768
 2771
 2774
 2777
 2780
 2783
 2786
 2789
 2792
 2795
 2798
 2801
 2804
 2807
 2810
 2813
 2816
 2819
 2822
 2825
 2828
 2831
 2834
 2837
 2840
 2843
 2846
 2849
 2852
 2855
 2858
 2861
 2864
 2867
 2870
 2873
 2876
 2879
 2882
 2885
 2888
 2891
 2894
 2897
 2900
 2903
 2906
 2909
 2912
 2915
 2918
 2921
 2924
 2927
 2930
 2933
 2936
 2939
 2942
 2945
 2948
 2951
 2954
 2957
 2960
 2963
 2966
 2969
 2972
 2975
 2978
 2981
 2984
 2987
 2990
 2993
 2996
 2999
 3002
 3005
 3008
 3011
 3014
 3017
 3020
 3023
 3026
 3029
 3032
 3035
 3038
 3041
 3044
 3047
 3050
 3053
 3056
 3059
 3062
 3065
 3068
 3071
 3074
 3077
 3080
 3083
 3086
 3089
 3092
 3095
 3098
 3101
 3104
 3107
 3110
 3113
 3116
 3119
 3122
 3125
 3128
 3131
 3134
 3137
 3140
 3143
 3146
 3149
 3152
 3155
 3158
 3161
 3164
 3167
 3170
 3173
 3176
 3179
 3182
 3185
 3188
 3191
 3194
 3197
 3200
 3203
 3206
 3209
 3212
 3215
 3218
 3221
 3224
 3227
 3230
 3233
 3236
 3239
 3242
 3245
 3248
 3251
 3254
 3257
 3260
 3263
 3266
 3269
 3272
 3275
 3278
 3281
 3284
 3287
 3290
 3293
 3296
 3299
 3302
 3305
 3308
 3311
 3314
 3317
 3320
 3323
 3326
 3329
 3332
 3335
 3338
 3341
 3344
 3347
 3350
 3353
 3356
 3359
 3362
 3365
 3368
 3371
 3374
 3377
 3380
 3383
 3386
 3389
 3392
 3395
 3398
 3401
 3404
 3407
 3410
 3413
 3416
 3419
 3422
 3425
 3428
 3431
 3434
 3437
 3440
 3443
 3446
 3449
 3452
 3455
 3458
 3461
 3464
 3467
 3470
 3473
 3476
 3479
 3482
 3485
 3488
 3491
 3494
 3497
 3500
 3503
 3506
 3509
 3512
 3515
 3518
 3521
 3524
 3527
 3530
 3533
 3536
 3539
 3542
 3545
 3548
 3551
 3554
 3557
 3560
 3563
 3566
 3569
 3572
 3575
 3578
 3581
 3584
 3587
 3590
 3593
 3596
 3599
 3602
 3605
 3608
 3611
 3614
 3617
 3620
 3623
 3626
 3629
 3632
 3635
 3638
 3641
 3644
 3647
 3650
 3653
 3656
 3659
 3662
 3665
 3668
 3671
 3674
 3677
 3680
 3683
 3686
 3689
 3692
 3695
 3698
 3701
 3704
 3707
 3710
 3713
 3716
 3719
 3722
 3725
 3728
 3731
 3734
 3737
 3740
 3743
 3746
 3749
 3752
 3755
 3758
 3761
 3764
 3767
 3770
 3773
 3776
 3779
 3782
 3785
 3788
 3791
 3794
 3797
 3800
 3803

33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Quý 1 năm 2024	Quý 1 năm 2023
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	44.076.167.797	12.421.352.631
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	44.076.167.797	12.421.352.631
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	113.897.480	113.897.480
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	113.897.480	113.897.480
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	387	109
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	387	109

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN QUÝ 1 NĂM 2024

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán Quý 1 năm 2024 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2024 của Công ty và các công ty con.



Nguyễn Thị Quỳnh
 Người lập



Trần Việt Dũng
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Ninh
 Giám đốc Tài chính

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 4 năm 2024

